TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Lý Quang Minh, ông Lò Văn Chiên.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh T C L, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị đơn: Chị T G S, sinh năm: 19...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh T C L trình bày:

Anh và chị T G S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2008, đến ngày 25/01/2013 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B – Phong Thổ - Lai Châu, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do chị Sun có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác và bỏ đi không về ở cùng anh L nữa. Mặc dù chị đã được anh em, bạn bè và gia đình khuyên ngăn, động viên, nhưng giữa anh chị không thể hòa hợp được với nhau. Đến nay thì anh L không còn tình cảm với chị S nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị S.

Về con chung: Anh T C L và chị T G S có 02 con chung là T T L, sinh ngày ..1/2009 và T D V, sinh ngày ../2012, sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị S tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn, ngoài ra Tòa án cũng liên lạc với bị đơn qua số điện thoại của bị đơn, nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Công an xã B, xác minh đối với trưởng bản A, xác minh đối với mẹ đẻ chị S xác định: Vợ chồng anh L và chị Schung sống với nhau thừ năm 2008. Sau khi kết hôn với nhau thì vợ chồng anh L và chị S chung sống cùng bố mẹ anh L tại bản A - B – Phong Thổ - Lai Châu. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì chị S ngoại tình với người đàn ông khác và bị phát hiện, bắt quả tang, bản và gia đình cũng đã hòa giải cho anh chị. Hiện tại chị S đang đi đâu và làm gì thì không ai biết, nhưng chị vẫn thường xuyên gọi điện cho gia đình cũng như vẫn về địa phương.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T T L và T D V. Nguyện vọng của các cháu sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của anh T C L, xử: Về quan hệ hôn nhân: Anh T C L được ly hôn với chị T G S. Về con chung: giao cháu T T L và T D V cho anh T C L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T C L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T G S. Tại thời điểm anh L gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì anh L không xác định nơi ở của chị S ở đâu do chị S cố tình giấu địa chỉ, không cho ai biết địa chỉ cụ thể của chị ở đâu. Anh L chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của chị S là ở bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị S cũng vẫn liên lạc thường xuyên với gia đình, thỉnh thoảng có về lại địa phương để thăm gia đình. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị S là hợp pháp. Hai anh chị về ở với nhau từ năm 2008 và chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình, chị S không chung thủy với anh L. Anh L và chị S cũng được hòa giải tại bản, tuy nhiên không có kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L, giải quyết cho anh được ly hôn với chị S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh L và chị S có 02 con chung là T T L, sinh ngày ../2009 và T D V, sinh ngày ../2012 hiện tại cả hai cháu đang ở cùng anh L và được chăm sóc, giáo dục tốt. Sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ý kiến cả cháu L và cháu V muốn được ở cùng bố sau khi bố và mẹ ly hôn. Vì vậy xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu L và cháu V cho anh L trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Anh L và chị S tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh L được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật do anh là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Anh T C L được ly hôn với chị T G S.

Về con chung: Giao cháu T T L, sinh ngày ../2009 và T D V, sinh ngày ../2012 cho anh T C L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Anh T C L và chị T G S tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T C L được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá